

Bản án số:50/2022/DS - PT  
Ngày 07 tháng 9 năm 2022.  
*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Huyền  
*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Trường Sơn;  
Bà Điều Thị Bích Lược.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 49/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS - ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2022/QĐXX - PT ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1965; địa chỉ: Số nhà 509, L, Khu 8, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

*Bị đơn:* Chị Chu Thị Y, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu 4, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

(Chị D, chị Y có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị D trình bày:* Ngày 25/7/2019 chị Chu Thị Y đã viết 01 văn bản với tiêu đề: “ Giấy biên nhận vay tiền”, nội dung: vay của chị Nguyễn Thị D số tiền 261.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2% trên tháng, thời hạn vay là 03 tháng sẽ trả hết cả gốc và lãi. Quá thời hạn trả tiền đã lâu nhưng chị Y không thanh toán cho chị như đã hứa. Chị đã đòi rất nhiều lần và đến ngày 20/5/2020 chị Y đến nhà hai bên có thỏa thuận vì chị Y khó khăn và xin trả cho chị số tiền là 160.000.000đ, số tiền còn lại chị Y xin và chị cũng đã nhất trí nhưng với điều kiện phía chị Y sẽ phải trả 80-100 triệu đồng vào ngày 30/5/2020, số tiền còn lại sẽ trả dần từ 10 - 15 triệu đồng/tháng và chị Y đã hứa nếu không thực hiện được thì chị có quyền nhờ pháp luật can thiệp với số tiền là 261.000.000đ và toàn bộ lãi. Chị Y đã không thực hiện như đã hứa nên chị đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện H để giải quyết. Một lần nữa tại Tòa

án chị Y xin chị trả 150 triệu và chị Y đã trả cho chị là 50.000.000đ (ngày 25/6/2020), số tiền còn lại là 100.000.000đ chị Y sẽ trả hết vào ngày 31/12/2020, nếu không thực hiện như biên bản thỏa thuận thì chị có quyền khởi kiện số tiền gốc vay ban đầu là 261.000.000đ trừ đi số tiền chị Y đã trả. Tuy nhiên đến hết năm 2020 chị Y không thực hiện như hai bên đã thống nhất. Chị đã cho chị Y một thời gian nữa và trong năm 2021 chị Y đã trả cho chị 3 lần, tổng cộng số tiền đã trả là 29.000.000đ. Cho đến tháng 11/2021 sau khi chị Y trả tiền cho chị thì chị Y đã đưa người của xã hội đến tại nhà chị và uy hiếp chị. Nên sau đó chị đã có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện H yêu cầu giải quyết buộc chị Y phải trả cho chị số tiền hiện còn nợ lại là 182.000.000đ và số tiền trên được tính lãi từ ngày 17/01/2022 với lãi suất là 1%/tháng. Số tiền cho vay trên là của riêng chị, không liên quan đến chồng chị.

*Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án chị Chu Thị Y trình bày:* Chị không chấp nhận với ý kiến của chị D trình bày vì chị không được vay số tiền là 261.000.000đ mà chị chỉ vay chị D số tiền là 30.000.000đ tiền gốc vào năm 2016. Sau đó chị nhờ anh N - cán bộ tư pháp xã H thế chấp thẻ lương và chứng minh nhân dân thì chị D cho chị vay là 50.000.000đ với lãi suất là 3%/ tháng, sau đó khó khăn chị không trả được gốc thì chị D nâng lãi lên 4,5%/ tháng và tiền lãi cộng vào tiền gốc, hàng tháng chị D thu của chị là 8.500.000đ. Ngày 20/8/2020 chị D ép chị viết giấy nợ là 261.000.000đ ( Hai trăm sáu một triệu đồng). Chị D đã thu tiền lãi của chị trong thời gian là 1 năm số tiền là 8.500.000đ một tháng, sau tăng lên 10.500.000đ một tháng và đã trả được gần 1 năm. Sau đó chị không trả tiền được cho chị D thì chị D đưa ra Tòa án, đến cơ quan của chị. Khi giải quyết tại Tòa án, chị D nhất trí cho chị 161.000.000đ và thống nhất chị chỉ phải trả 150.000.000đ và chị đã trả được 50.000.000đ thì chị D rút đơn tại các nơi. Chị đã hứa mỗi tháng trả 10.000.000đ nhưng chị không có để trả nên chị D đã kiện chị đến Tòa án . Chị xác định chị đã trả rất nhiều lãi và đã trả được số tiền gốc là 79.000.000đ. Nay chị D khởi kiện yêu cầu chị phải trả số tiền là 182.000.000đ, chị không chấp nhận bởi lẽ chị và chị D đã thỏa thuận lại số tiền gốc vay là 150.000.000đ, chị đã trả được 79.000.000đ thì hiện nay số tiền vay chỉ còn lại là 71.000.000đ. Chị đồng ý trả tiền lãi theo lãi suất ngân hàng, thời điểm tính từ lần cuối chị trả tiền cho chị D là ngày 11/11/2021 cho đến khi trả xong đối với số tiền gốc là 71.000.000đ. Chị Y xác định số tiền vay trên không liên quan gì đến anh Tô Thất P vì chị vay riêng và hiện nay chị cũng đã ly hôn với anh P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS- ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ điều 463, khoản 1, điểm a khoản 5 điều 466, 468, 357 của Bộ luật dân sự; khoản 1 điều 147 của BLTTDS; khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Buộc chị Chu Thị Y có trách nhiệm trả chị Nguyễn Thị D số tiền gốc là 182.000.000đ (Một trăm tám hai triệu đồng) và tiền lãi là 8.069.000 (Tám triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 182.000.000đ + 8.069.000đ = 190.069.000đ (Một trăm chín mươi triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Bản án còn tuyên về án phí và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

*Kháng cáo:* Ngày 15/6/2022 chị Chu Thị Y – Là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS- ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử lại.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị D và chị Chu Thị Y đã thống nhất thoả thuận với nhau: Chị Y trả cho chị D số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), theo phương thức mỗi tháng chị Y phải trả cho chị D 3.000.000đ/tháng, vào ngày 26 hàng tháng; bắt đầu từ ngày 26/10/2022 cho đến khi trả hết số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Nếu chị Y vi phạm bất kỳ tháng thanh toán nào (quá hạn) thì chị D có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thi hành toàn bộ số tiền còn lại mà chị Y còn phải thi hành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng Dân sự. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị D và chị Chu Thị Y đã thống nhất tự nguyện thoả thuận với nhau: Chị Y trả cho chị D số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), theo phương thức mỗi tháng chị Y phải trả cho chị D 3.000.000đ/tháng, vào ngày 26 hàng tháng; bắt đầu từ ngày 26/10/2022 cho đến khi trả hết số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Nếu chị Y vi phạm bất kỳ tháng thanh toán nào (quá hạn) thì chị D có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thi hành toàn bộ số tiền còn lại mà chị Y còn phải thi hành. Chị D và chị Y tự nguyện thoả thuận, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

[2]. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Chu Thị Y phải chịu 5.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Chu Thị Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm .

*Vì các lý trên;*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 1 Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H. Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của chị Y trả cho chị D số tiền là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), theo phương thức mỗi tháng chị Y phải trả cho chị D 3.000.000đ/tháng, vào ngày 26 hàng tháng; bắt đầu từ ngày 26/10/2022 cho đến khi trả hết số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

Nếu chị Y vi phạm bất kỳ tháng thanh toán nào (quá hạn) thì chị D có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thi hành toàn bộ số tiền còn lại mà chị Y còn phải thi hành.

*Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

[2]. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Chu Thị Y phải chịu 5.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Chu Thị Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị D số tiền 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0004804 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hoà.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND H. Hạ Hoà;
- Chi cục THADS H. Hạ Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thu Huyền**

